BVBank
Ngân hàng Bản Việt

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN MỞ VÀ SỬ DỤNG KHOẢN TIỀN GỬI

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. **BVBank:** là Ngân hàng TMCP Bản Việt.
2. **Khách hàng (KH):** là (các) cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại Điều khoản và điều kiện này và gửi tiền gửi tại BVBank.
3. **Tiền gửi tiết kiệm:** là khoản tiền gửi của KH gửi tại BVBank theo nguyên tắc được hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận với BVBank.
4. **Tiền gửi có kỳ hạn:** là khoản tiền gửi của KH gửi tại BVBank trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận giữa KH và BVBank với nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho KH.
5. **Tiền gửi tiết kiệm chung, tiền gửi chung có kỳ hạn:** là tiền gửi của từ hai KH trở lên.
6. **Tài khoản thanh toán (TKTT):** là TKTT do KH mở tại BVBank, được sử dụng để gửi, nhận chi trả gốc và/hoặc lãi tiền gửi.
7. **Giao dịch tiền gửi:** bao gồm giao dịch nhận, gửi tiền gửi; chi trả, rút tiền gửi; sử dụng tiền gửi làm tài sản bảo đảm; chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi và các giao dịch liên quan đến tiền gửi theo quy định của BVBank và quy định của pháp luật.
8. **Sổ tiết kiệm (STK)/Chứng nhận quyền sở hữu (CNQSH):** là chứng chỉ, chứng nhận xác nhận quyền sở hữu tiền gửi của KH tại BVBank, áp dụng cho các khoản tiền gửi mở tại quầy giao dịch và/hoặc các khoản tiền gửi trực tuyến được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tại quầy.
9. **Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (HĐTGCKH)**: là thỏa thuận gửi tiền bằng văn bản, được ký kết giữa BVBank và KH theo các hình thức được BVBank quy định trong từng thời kỳ.
10. **Ngày hiệu lực:** là ngày khoản tiền gửi của KH có hiệu lực trên hệ thống của BVBank và bắt đầu được tính lãi.
11. **Ngày đến hạn:** là ngày cuối cùng của kỳ hạn gửi được hệ thống tự tính căn cứ trên ngày hiệu lực của khoản tiền gửi và kỳ hạn gửi. Nếu ngày đến hạn rơi vào ngày nghỉ, lễ thì ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc tiếp theo đầu tiên và KH được hưởng lãi suất có kỳ hạn cho số ngày nghỉ, lễ.
12. **Ngày làm việc:** là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu, hoặc thời gian làm việc thực tế của BVBank theo từng thời kỳ; ngoại trừ các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật hoặc các ngày nghỉ của BVBank.
13. **Người giám hộ, người đại diện theo pháp luật:** là người đại diện hợp pháp theo quy định tại Bộ luật Dân sự 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong từng thời kỳ.
14. **Kỳ hạn gửi tiền**:
    a. Là khoảng thời gian kể từ ngày KH bắt đầu gửi tiền vào BVBank và được hệ thống BVBank ghi nhận, đến ngày BVBank cam kết trả hết tiền gốc và/hoặc lãi tiền gửi.
    b. Đối với người không cư trú/người cư trú là cá nhân nước ngoài, kỳ hạn gửi tiền có kỳ hạn áp dụng cụ thể như sau:
        (i). Không được dài hơn thời hạn hiệu lực còn lại của giấy tờ cư trú (gồm Thị thực (Visa) hoặc Giấy miễn thị thực hoặc Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Chứng nhận tạm trú); và
        (ii). Đối với giấy tờ cư trú có nội dung "thời hạn của mỗi lần nhập cảnh" hoặc "thời hạn của mỗi lần nhập cảnh là 180 ngày" hoặc "thời hạn tạm trú cho phép của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh", thì kỳ hạn gửi không dài hơn thời hạn được phép cư trú (tại Việt Nam) còn lại được tính từ ngày gửi tiền đến ngày hết hạn nhập cảnh;
15. **Điều khoản và điều kiện mở và sử dụng tiền gửi** (sau đây gọi là "ĐKĐK"): là những điều khoản do BVBank công bố từng thời kỳ để áp dụng chung cho các KH mở tiền gửi tại quầy giao dịch, khoản tiền gửi trực tuyến đã cấp CNQSH tại quầy giao dịch và sử dụng tiền gửi tại BVBank. ĐKĐK được BVBank niêm yết công khai tại điểm giao dịch và trên trang thông tin điện tử của BVBank (https://bvbank.net.vn) theo quy định của BVBank và quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng KH gửi tiền

1. Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn:
    a. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật.

b. Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, không bị hạn chế hoặc không mất năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật.
c. Công dân Việt Nam bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật hoặc chưa đủ 15 tuổi thực hiện giao dịch tiền gửi thông qua người đại diện theo pháp luật; Công dân Việt Nam có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định pháp luật thực hiện giao dịch tiền gửi thông qua người giám hộ.

2. Tiền gửi có kỳ hạn:
a. Người cư trú là cá nhân.
b. Người không cư trú là cá nhân theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
c. Cá nhân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam với thời hạn từ 06 (sáu) tháng trở lên.

3. Đối với tiền gửi chung có kỳ hạn:
a. Người cư trú và người không cư trú không được gửi tiền gửi chung có kỳ hạn.
b. Tổ chức và cá nhân không được gửi tiền gửi chung có kỳ hạn bằng ngoại tệ.

Điều 3. Đồng tiền gửi và chi trả

1. Loại tiền gửi: BVBank nhận tiền gửi bằng Đồng Việt Nam (VND) và các loại ngoại tệ được phép theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ và phù hợp quy định của từng sản phẩm tiền gửi KH tham gia.
2. Loại tiền chi trả: đồng tiền chi trả gốc, lãi tiền gửi là đồng tiền mà KH đã gửi, cụ thể:
a. Đối với loại tiền gửi là VND: loại tiền chi trả tiền gốc, tiền lãi là VND;
b. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ:
(i). Đồng tiền chi trả gốc, lãi tiền gửi là đồng tiền mà KH đã gửi, hoặc;
(ii). Khi KH có yêu cầu bán ngoại tệ thì BVBank có thể mua ngoại tệ và chi trả bằng VND theo tỷ giá mua ngoại tệ tiền mặt niêm yết của BVBank hoặc tỷ giá thương lượng giữa BVBank và người gửi tiền tại thời điểm chi trả theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ. Đối với ngoại tệ lẻ, nếu BVBank không thể đáp ứng việc chi trả bằng loại tiền mà người gửi tiền đã gửi thì chi trả bằng VND theo tỷ giá mua ngoại tệ tiền mặt niêm yết của BVBank tại thời điểm chi trả.

Điều 4. Thủ tục giao dịch tiền gửi

1. Gửi và chi trả tiền gửi tại điểm giao dịch:
a. Thủ tục gửi tiền:
(i). KH (hoặc tất cả các đồng sở hữu, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật) phải trực tiếp đến địa điểm giao dịch của BVBank và xuất trình các giấy tờ xác minh thông tin theo quy định.
(ii). KH phải đăng ký thông tin, chữ ký mẫu hoặc dấu vân tay lưu tại điểm giao dịch của BVBank:
- Trường hợp KH là người được đại diện theo pháp luật thì phải đăng ký thông tin và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật.
- Trường hợp KH không viết được dưới bất kỳ hình thức nào thì đăng ký dấu vân tay (điểm chỉ) của người gửi tiền.
- Khi có bất kỳ sự thay đổi nào so với thông tin đăng ký ban đầu, KH phải trực tiếp đến điểm giao dịch hoặc thực hiện tại hệ thống theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ để làm thủ tục thay đổi thông tin.

(iii).Kỳ hạn gửi tiền được thực hiện theo thỏa thuận giữa BVBank và KH, phù hợp với quy định sản phẩm và quy định tại khoản 14 Điều 1 ĐKĐK này.
b. Thủ tục chi trả tiền gửi khi đến hạn:
(i). Khoản tiền gửi có hình thức đáo hạn là "tái tục": KH đến các điểm giao dịch của BVBank để thực hiện thủ tục chi trả.
(ii). Khoản tiền gửi có hình thức đáo hạn là "tất toán":
- Vào ngày đến hạn, BVBank hệ thống tự động tất toán khoản tiền gửi và chuyển toàn bộ số tiền gốc và lãi (nếu có) vào TKTT của chính KH, KH không cần xuất trình STK/CNQSH/HĐTGCKH khi nhận tiền, STK/CNQSH/HĐTGCKH mặc nhiên hết hiệu lực lưu hành và không còn giá trị sử dụng.
- Ngay sau khi BVBank hoàn tất thủ tục chi trả cho KH theo thỏa thuận, STK/CNQSH/HĐTGCKH được xác lập cho khoản tiền gửi đó mặc nhiên hết hiệu lực lưu hành và không còn giá trị sử dụng.

c. Thủ tục chi trả tiền gửi trước hạn:
(i). KH được rút trước hạn một phần hoặc toàn bộ khoản tiền gửi theo quy định sản phẩm KH tham

gia. Phần tiền gửi còn lại (nếu có) không được thấp hơn số tiền gửi tối thiểu và tiếp tục được duy trì với mức lãi suất có kỳ hạn đã thỏa thuận ban đầu hoặc theo quy định sản phẩm mà KH tham gia.

(ii). Phần tiền gửi rút trước hạn sẽ được hưởng mức lãi suất không kỳ hạn thấp nhất do BVBank công bố tại thời điểm rút, tính trên số ngày gửi thực tế.

(iii). Đối với các khoản tiền gửi đã nhận lãi trước hoặc lãi định kỳ, khi rút trước hạn, KH có nghĩa vụ hoàn trả cho BVBank phần tiền lãi chênh lệch (phần lãi đã nhận cao hơn phần lãi thực tế được hưởng). BVBank được quyền khấu trừ số tiền chênh lệch này vào số tiền gốc của KH.

3. Hình thức chi trả:
   a. Tiền gửi tiết kiệm được chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển vào TKTT theo thỏa thuận giữa BVBank và KH.
   b. Tiền gửi có kỳ hạn:
      (i). Chi trả tiền gửi có kỳ hạn thông qua TKTT của chính KH, hoặc;
      (ii). Đối với tiền gửi chung có kỳ hạn, chi trả tiền gửi có kỳ hạn thông qua TKTT chung của tất cả KH.
   c. Các trường hợp chi trả khoản tiền gửi theo thừa kế hoặc theo ủy quyền, thực hiện theo quy định của BVBank tại thời điểm chi trả khoản tiền gửi.
4. Trường hợp TKTT nhận chi trả tiền gửi của KH bị đóng hoặc tạm khóa hoặc thay đổi tình trạng và:
   a. Vẫn nhận được khoản chi trả tiền gốc, lãi khoản tiền gửi thì BVBank vẫn thực hiện chuyển tiền vào TKTT của KH, hoặc;
   b. Không thể nhận chi trả gốc, lãi khoản tiền gửi thì BVBank thực hiện giữ hộ toàn bộ số tiền này cho đến khi KH và BVBank có văn bản thỏa thuận về việc thay đổi thông tin TKTT mới. BVBank không chi trả lãi đối với số tiền chuyển sang giữ hộ chờ thanh toán.
2. Thời điểm thanh toán khoản tiền gửi:
   a. Trường hợp ngày đến hạn thanh toán trùng với ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật và quy định của BVBank, việc chi trả tiền gốc và lãi tiền gửi được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo đầu tiên sau ngày nghỉ lễ và BVBank trả thêm lãi suất có kỳ hạn tại thời điểm tất toán cho ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ. Việc chi trả lãi đối với tiền gửi có ngày trả lãi rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo đầu tiên sau ngày nghỉ lễ.
   b. Trường hợp ngày gửi là ngày cuối tháng thì ngày đến hạn sẽ là ngày cuối tháng tại tháng đến hạn (ví dụ KH gửi tiền ngày 28/02 kỳ hạn 01 tháng, ngày đến hạn sẽ là ngày 31/3).
   c. Nếu KH đến BVBank tất toán tiền gửi sau ngày làm việc tiếp theo đầu tiên của ngày nghỉ, lễ thì xem như tất toán trước hạn kỳ tiếp theo và nhận thêm tiền lãi không kỳ hạn theo quy định rút trước hạn cho số ngày đến chậm.
3. Kéo dài thời hạn gửi: Việc kéo dài thời hạn gửi tiền vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi thực hiện theo thỏa thuận giữa BVBank và KH được thể hiện rõ tại thời điểm gửi, mở tiền gửi được tự động tái tục kỳ hạn mới, trong đó:
   a. Kỳ hạn được tái tục bằng kỳ hạn cũ và theo quy định của sản phẩm tiền gửi mà KH đã đăng ký. Trường hợp trong quy định sản phẩm không đề cập, việc kéo dài thời hạn gửi tiền được thực hiện theo nguyên tắc: khoản tiền gửi được kéo dài thêm một kỳ hạn gửi tiền mới bằng kỳ hạn cũ hoặc kỳ hạn ngắn hơn liền trước (nếu tại thời điểm tái tục BVBank không còn huy động loại kỳ hạn trước đó) và theo loại hình tiền gửi mà KH đăng ký tại thời điểm gửi tiền. Việc kéo dài thời hạn gửi tiền thực hiện theo quy định của BVBank tại từng thời kỳ.
   b. Lãi suất tái tục bằng lãi suất công bố hoặc lãi suất thỏa thuận tại thời điểm tái tục;
   c. Nếu KH không đến giao dịch và không có thỏa thuận nào khác, BVBank sẽ tự động nhập lãi (nếu có) vào gốc và tái tục thêm một kỳ hạn gửi mới.
4. Mức phí và phương thức thu phí áp dụng theo quy định hiện hành của BVBank và được BVBank công bố trong từng thời kỳ.

Điều 5. Lãi suất, phương pháp tính lãi và phương thức trả lãi

1. Lãi suất:
   a. Lãi suất áp dụng cho khoản tiền gửi là lãi suất cố định, được xác định tại ngày hiệu lực và không thay đổi trong suốt kỳ hạn gửi.
   b. Đối với khoản tiền gửi có phương thức tái tục, lãi suất cho kỳ hạn mới sẽ được áp dụng theo biểu lãi suất của BVBank có hiệu lực tại thời điểm tái tục.
   c. Lãi suất được BVBank công bố trong từng thời kỳ tại các điểm giao dịch, ngân hàng điện tử (NHĐT) và

trang thông tin điện tử của BVBank theo quy định từng thời kỳ.

2. Phương pháp tính lãi:
   a. Lãi suất được tính theo tỷ lệ %/năm, trên cơ sở một năm là 365 ngày.
   b. Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày hiệu lực đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
   c. Công thức tính lãi:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{(\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

3. Phương thức trả lãi:
   a. Tùy từng sản phẩm KH lựa chọn và/hoặc quy định của BVBank tại từng thời kỳ, lãi của khoản tiền gửi được trả cho KH theo 01 (một) trong các hình thức sau:
      (i). Trả lãi trước: là phương thức trả lãi 01 (một) lần toàn bộ tiền lãi vào ngày mở khoản tiền gửi.
      (ii). Trả lãi định kỳ: là phương thức trả lãi nhiều lần, theo định kỳ hàng tháng/hàng quý/hàng 06 (sáu) tháng/hàng năm trong kỳ hạn gửi tiền.
      (iii).Trả lãi cuối kỳ: là phương thức trả lãi 01 (một) lần toàn bộ tiền lãi vào ngày đáo hạn.
   b. Trường hợp KH rút phần tiền gửi trước hạn thì tiền lãi của phần tiền gửi rút trước hạn được chi trả vào ngày rút trước hạn.

Điều 6. Xử lý các trường hợp rủi ro

1. Trường hợp mất STK/CNQSH/HĐTGCKH:
   a. KH có thể thông báo trực tiếp tại điểm giao dịch hoặc gọi đến TT.CSKH của BVBank. Trường hợp KH thông báo qua điện thoại: chậm nhất đến ngày hôm sau, KH phải đến điểm giao dịch của BVBank lập văn bản thông báo và có thể hiện nội dung cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực trong việc khai báo về việc mất STK/CNQSH/HĐTGCKH. Nếu trong vòng 24 giờ kể từ khi thông báo qua điện thoại mà KH không đến BVBank lập văn bản báo mất, BVBank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại xảy ra cho KH.
   b. Sau khi BVBank nhận được thông báo bằng văn bản của KH về việc mất, nếu không có bất kỳ khiếu nại nào, việc cấp lại STK/CNQSH/HĐTGCKH được thực hiện theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ.
   c. BVBank được toàn quyền thực hiện phong tỏa khoản tiền gửi theo quy định của BVBank do KH báo mất theo mục a và/hoặc mục b khoản 1 Điều này. Thời hạn phong tỏa theo quy định của BVBank tại từng thời kỳ. Trong thời gian phong tỏa, BVBank có quyền không chi trả lãi phát sinh nếu khoản tiền gửi được chuyển sang giữ hộ chờ thanh toán theo phương thức tất toán của sản phẩm.
   d. Sau khi đã báo mất STK/CNQSH/HĐTGCKH, nếu KH tìm lại được STK/CNQSH/HĐTGCKH thì phải thông báo cho BVBank ngay bằng văn bản theo mẫu BVBank.
   e. KH phải chịu phí báo mất, phí cấp lại theo quy định BVBank trong từng thời kỳ.
2. Trường hợp STK/CNQSH/HĐTGCKH do KH làm hư hỏng/cháy/nhàu nát/mối mọt hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa:
   a. Trường hợp bị hư hỏng, tẩy xóa, sửa chữa vẫn xác định được đầy đủ nội dung, KH phải thông báo cho BVBank ngay bằng văn bản theo mẫu của BVBank.
   b. BVBank thu hồi STK/CNQSH/HĐTGCKH bị hư hỏng và cấp lại STK/CNQSH/HĐTGCKH theo quy định. STK/CNQSH/HĐTGCKH bị thu hồi sẽ thực hiện tiêu hủy theo quy định. KH thanh toán khoản phí phát sinh liên quan (nếu có).

Điều 7. Biện pháp tra cứu tiền gửi

1. KH có thể tra cứu khoản tiền gửi tại các kênh tiếp nhận sau:
   a. Tại các điểm giao dịch của BVBank.
   b. Thực hiện tra cứu bằng cách quét mã QR trên STK/CNQSH/HĐTGCKH.
   c. Thông qua ứng dụng NHĐT của BVBank.
   d. Các phương tiện tra cứu khác do BVBank triển khai trong từng thời kỳ.
2. Các biện pháp tra cứu được BVBank cung cấp và có thể thay đổi theo từng thời kỳ.

Điều 8. Ủy quyền khoản tiền gửi (không áp dụng đối với khoản tiền gửi trực tuyến chưa cấp CNQSH)

1. Chủ tài khoản có thể ủy quyền cho 01 (một) hoặc nhiều người thực hiện giao dịch cho 01 (một) hoặc nhiều tài khoản tiền gửi. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản hợp lệ theo quy định của pháp luật về ủy quyền.
2. Trong thời hạn ủy quyền, Người ủy quyền muốn điều chỉnh hoặc thay đổi nội dung ủy quyền hoặc thay đổi người được ủy quyền thì phải hủy Giấy ủy quyền trước đó và lập Giấy ủy quyền mới.
3. Trong thời hạn ủy quyền, Người ủy quyền vẫn còn toàn quyền đối với tài khoản của mình.
4. Người ủy quyền không được ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến tài khoản chưa phát sinh tại thời điểm ủy quyền.
5. Các đồng chủ tài khoản được ủy quyền cho nhau hoặc ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản chung trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp các đồng chủ tài khoản không có thỏa thuận về phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình đối với việc sử dụng và định đoạt tài khoản chung thì việc ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản chung phải có sự đồng ý của tất cả các đồng chủ tài khoản.
6. Người ủy quyền và người được ủy quyền tự chịu trách nhiệm với các tranh chấp phát sinh liên quan đến việc ủy quyền.
7. Người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của chủ tài khoản là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự không được ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác được sử dụng tài khoản của người mà mình làm giám hộ, đại diện.
8. Người được ủy quyền phải là pháp nhân hoặc cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.
9. Người được ủy quyền chỉ được ủy quyền lại cho người khác khi có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ tài khoản và theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ.
10. Ủy quyền hết hiệu lực khi hết thời hạn ủy quyền; công việc ủy quyền đã hoàn thành; người ủy quyền hoặc người được ủy quyền chết, bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc đã chết; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi

1. KH thực hiện chuyển quyền sở hữu tiền gửi theo quy định sản phẩm tiền gửi tại bất kỳ điểm giao dịch nào của BVBank.
2. KH chỉ được chuyển quyền sở hữu toàn phần, không áp dụng chuyển quyền sở hữu một phần số dư tiền gửi, trừ trường hợp phân chia di sản từng phần theo văn bản khai nhận thừa kế.
3. Trường hợp người chuyển quyền sở hữu hoặc người nhận chuyển quyền sở hữu tiền gửi có người giám hộ/người đại diện theo pháp luật thì việc chuyển/nhận chuyển quyền sở hữu phải được thực hiện thông qua người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật.
4. Chuyển quyền sở hữu có thể thực hiện dưới các hình thức: mua, bán, cho, tặng, trao đổi và chi trả thừa kế.
5. Trừ trường hợp chuyển giao quyền sở hữu theo thừa kế, đối tượng nhận chuyển giao quyền sở hữu phải đảm bảo phù hợp với quy định của NHNN, của BVBank.
6. Các quy định về chuyển giao quyền sở hữu và thủ tục chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi thực hiện theo các quy định của BVBank trong từng thời kỳ.
7. Các trường hợp không được thực hiện chuyển quyền sở hữu tài khoản tiền gửi:
   a. Tài khoản đang bị phong tỏa hoặc đang trong thời gian được dùng để bảo đảm nghĩa vụ dân sự.
   b. Cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu tiền gửi đã từng vi phạm quy định về giao dịch tiền gửi tại BVBank mà BVBank đã có thông báo là không được gửi tiền tại BVBank.
   c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và BVBank.

Điều 10. Sử dụng tiền gửi làm tài sản đảm bảo

1. KH có quyền sử dụng khoản tiền gửi làm tài sản bảo đảm để vay vốn hoặc thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác tại BVBank hoặc các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật. Trong thời gian được dùng làm tài sản bảo đảm, khoản tiền gửi sẽ bị phong tỏa.
2. Trường hợp KH không thực hiện đúng nghĩa vụ được bảo đảm, BVBank được quyền chuyển nợ quá hạn và thông báo số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn, và toàn quyền trích tiền từ khoản tiền gửi để thu hồi nợ theo thỏa thuận hoặc thực hiện theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng khác.
3. Trong trường hợp KH sử dụng tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản bảo đảm, khi bị xử lý theo Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tín dụng thì số tiền thừa (nếu có), BVBank sẽ thông báo KH đến nhận hoặc thực hiện tái tục

khoản tiền còn dư theo kỳ hạn đã gửi trước đó hoặc kỳ hạn ngắn hơn liền kề trong trường hợp BVBank không còn áp dụng kỳ hạn đã gửi trước đó hoặc kỳ hạn khác theo yêu cầu của KH.

4. Khoản tiền gửi đã sử dụng làm tài sản bảo đảm vẫn được hưởng lãi với mức lãi suất đã thỏa thuận.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của KH

1. Quyền của KH:
   a. Được thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi tiền gửi theo thỏa thuận với BVBank.
   b. Được hưởng lãi cho số tiền gửi theo mức lãi suất do BVBank quy định tùy theo đặc điểm của tiền gửi và từng loại hình sản phẩm tiền gửi, số dư và phù hợp với cơ chế quản lý lãi suất của NHNN ban hành trong từng thời kỳ.
   c. KH là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu được chuyển quyền sở hữu tiền gửi, được để lại thừa kế tiền gửi, được ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch rút tiền gửi theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 ĐKĐK này, quy định của BVBank và quy định của pháp luật.
   d. KH là người giám hộ, người đại diện theo pháp luật được quyền thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi theo quy định của BVBank và quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan.
   e. Được yêu cầu BVBank cung cấp thông tin số dư tiền gửi.
   f. Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn được bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.
   g. Được BVBank bảo đảm an toàn số dư tiền gửi và bảo mật thông tin liên quan đến khoản tiền gửi, giao dịch tiền gửi theo quy định của pháp luật.
   h. KH được cấp CNQSH đối với các khoản tiền gửi trực tuyến (không bị phong tỏa) tại quầy giao dịch của BVBank khi có nhu cầu và thực hiện theo quy định của BVBank từng thời kỳ.
2. Nghĩa vụ của KH:
   a. Thực hiện đúng các quy định và các thỏa thuận đã cam kết với BVBank.
   b. Thông báo trước yêu cầu rút tiền trước hạn theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ và chịu các loại phí theo đúng quy định của BVBank.
   c. Thông báo kịp thời trường hợp mất STK/CNQSH/HĐTGCKH cho BVBank khi phát hiện để tránh bị lợi dụng làm tổn thất tài sản.
   d. Hoàn trả ngay cho BVBank những khoản ghi có không phải của mình khi phát hiện ra hạch toán sai hoặc khi nhận được thông báo của BVBank mà không chứng minh được quyền thụ hưởng khoản tiền đó.
   e. Thông báo kịp thời cho BVBank trong các trường hợp thay đổi nội dung ủy quyền, hủy ủy quyền hoặc khi có một trong các thành viên gửi tiền chung bị chết, mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự.
   f. Có trách nhiệm xuất trình các chứng từ theo quy định của BVBank khi giao dịch tiền gửi (không áp dụng đối với trường hợp tất toán khoản tiền gửi tại tiết (ii) điểm b khoản 1 Điều 4 ĐKĐK này) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình cho BVBank.
   g. Không được cho thuê, cho mượn STK/CNQSH/HĐTGCKH hoặc gửi tiền gửi nhằm mục đích rửa tiền, trốn nghĩa vụ trả nợ, trốn thuế hoặc lợi dụng khoản tiền gửi của mình cho các giao dịch thanh toán đối với những khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp.
   h. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do không khai báo kịp thời các trường hợp STK/CNQSH/HĐTGCKH bị mất với BVBank.
   i. KH phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật và của BVBank về việc sử dụng dịch vụ tài khoản, đảm bảo an toàn, bảo mật, đảm bảo tương thích đối với các thiết bị điện tử, phần mềm… trong quá trình sử dụng dịch vụ và chịu trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin, tài liệu một cách đầy đủ, chính xác cho BVBank.
   j. Kiểm tra và thanh toán đầy đủ các khoản phí liên quan đến sử dụng Dịch vụ Tài khoản theo biểu phí được BVBank quy định trong từng thời kỳ.
   k. KH đã đọc, hiểu rõ và đồng ý các điều khoản, điều kiện bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân dành cho KH theo quy định của BVBank từng thời kỳ.
   l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của ĐKĐK này, các quy định trong Điều khoản và Điều kiện sử dụng TKTT dành cho KHCN, Điều khoản và Điều kiện sử dụng NHĐT, Điều khoản điều kiện bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của BVBank trong từng thời kỳ và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của BVBank

1. Quyền của BVBank
   a. Được quyền từ chối việc nhận và chi trả tiền gửi nếu KH không thực hiện đúng quy định tại ĐKĐK này

và các thỏa thuận đã cam kết của BVBank trong các trường hợp sau:
(i). KH không thực hiện theo đúng các quy định, thể lệ của từng loại hình sản phẩm tiền gửi.
(ii). Được quyền từ chối việc chi trả tiền gửi trong trường hợp tiền gửi đã bị lợi dụng nhưng không phải do lỗi của BVBank.
(iii). Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
(iv). Các trường hợp khác theo thỏa thuận của BVBank và KH hoặc theo quy định của pháp luật.

b. Được quyền trích tiền gửi của KH trong các trường hợp sau:
(i). Để thực hiện thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, phí, chi phí hợp lệ khác phát sinh trong quá trình thực hiện các giao dịch có liên quan đến tiền gửi theo quy định hoặc theo thỏa thuận giữa người gửi tiền với BVBank.
(ii). Để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền buộc chủ tài khoản phải thanh toán.
(iii). BVBank phát hiện có sự nhầm lẫn khi hạch toán sai, hạch toán nhầm vào tiền gửi của KH.
(iv). Các trường hợp khác theo thỏa thuận của BVBank và KH hoặc theo quy định của pháp luật.

c. Cung cấp các thông tin liên quan đến tiền gửi của KH khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

d. Tạm khóa, phong tỏa, đóng, chuyển đổi, xử lý số dư khoản tiền gửi hoặc tất toán khoản tiền gửi theo quy định của BVBank hoặc Pháp luật, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

e. Được quyền cung cấp các thông tin liên quan đến KH và khoản tiền gửi khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trong các trường hợp pháp luật cho phép.

2. Nghĩa vụ của BVBank
a. Nhận gửi tiền và thanh toán tiền gốc, lãi tiền gửi đúng hạn và đầy đủ.

b. Công bố công khai lãi suất tiền gửi, phương thức trả lãi, phương thức tính lãi, mức thu phí đối với các khoản tiền gửi rút trước hạn và mức thu phí đối với các dịch vụ liên quan đến tiền gửi tại các điểm giao dịch của BVBank và đăng tải trên website.

c. Giữ bí mật và bảo đảm an toàn số dư tiền gửi của KH hoặc (các) đồng chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

d. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại, vi phạm, lợi dụng đối với khoản tiền gửi do lỗi của BVBank.

e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của ĐKĐK này, Điều khoản và Điều kiện sử dụng TKTT dành cho KHCN, Điều khoản và Điều kiện sử dụng NHĐT, Điều khoản điều kiện bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của BVBank trong từng thời kỳ và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

1. ĐKĐK này được lập và điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.
2. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến việc mở, sử dụng và quản lý tiền gửi, KH và BVBank sẽ cùng giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thương lượng hòa giải được, các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam nơi BVBank đặt trụ sở để giải quyết.
3. Việc chưa hoặc chậm trễ thực hiện quyền và nghĩa vụ của BVBank theo ĐKĐK này sẽ không được coi như là từ bỏ toàn bộ hay một phần quyền và nghĩa vụ của BVBank trừ khi BVBank có thông báo bằng văn bản về sự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.
4. Trường hợp khiếu nại của KH không liên quan đến lỗi của BVBank, KH sẽ chịu mọi chi phí phát sinh từ việc xử lý khiếu nại và các chi phí khác theo quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Thông báo

1. KH phải thông báo cho BVBank nếu có thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email đã cung cấp cho BVBank. Nếu BVBank không nhận được thông báo cập nhật, thay đổi thì mọi yêu cầu và thông báo sẽ được BVBank gửi đến địa chỉ, số điện thoại, email cuối cùng của KH mà BVBank có thông tin.
2. Các Bên thống nhất đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại và email của KH là thông tin mà KH đã đăng ký và được lưu trữ trên hệ thống của BVBank. KH được coi là đã nhận thông báo của BVBank khi BVBank đã thông báo tới KH theo một trong các phương thức BVBank đang áp dụng triển khai từng thời kỳ bao gồm thông báo đến: địa chỉ, số điện thoại, email, tài khoản đăng nhập của KH hoặc đã niêm yết tại trụ sở/thông báo trên website của BVBank hoặc các phương thức khác đã được KH đồng ý.
3. KH được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi, bổ sung theo thông báo của BVBank nếu KH tiếp tục duy trì tiền gửi tại BVBank sau thời điểm BVBank thông báo.

Điều 15. Thỏa thuận khác

1. Các điều khoản, điều kiện của ĐKĐK này sẽ được áp dụng đối với tất cả các khoản tiền gửi của KH theo các thỏa thuận tiền gửi được xác lập kể từ ngày ĐKĐK này có hiệu lực.
2. KH xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý các điều khoản, điều kiện bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của BVBank, được niêm yết công khai tại quầy giao dịch và trên trang thông tin điện tử của BVBank (https://bvbank.net.vn).
3. Bằng việc chấp thuận gửi tiền gửi và thực hiện các giao dịch tiền gửi tại BVBank, KH được xem là đã đồng ý và chấp thuận tất cả các điều khoản và điều kiện giao dịch được BVBank công bố công khai theo ĐKĐK này:
   a. KH đã được BVBank cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến sản phẩm tiền gửi do BVBank cung cấp.
   b. KH đã biết và đã được BVBank cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho KH.
4. Trong trường hợp một điều khoản nào của ĐKĐK này bị vô hiệu theo phán quyết của Cơ quan có thẩm quyền hoặc do thay đổi pháp luật thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các bên. Đối với những vấn đề phát sinh mà ĐKĐK này không quy định thì sẽ áp dụng quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam để giải quyết.
5. Các bên xác nhận và chấp thuận rằng BVBank có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế ĐKĐK này trên cơ sở đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật trong thời hạn có hiệu lực của khoản tiền gửi. BVBank sẽ thông báo cho KH về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế ĐKĐK này bằng một trong cách hình thức thông báo quy định tại ĐKĐK hoặc trên trang thông tin điện tử của BVBank (https://bvbank.net.vn) hoặc niêm yết công khai tại quầy giao dịch. KH được coi là chấp thuận toàn bộ các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của BVBank nếu KH tiếp tục duy trì khoản tiền gửi sau thời điểm BVBank thông báo.